**TUẦN 13**

**Ngày soạn: 26 /11/2021**

**Ngày giảng: Thứ hai ngày 28 tháng 11 năm 2022**

**Chào cờ**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu quyền và bổn phận của trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết được quyền của trẻ em để có thể tự bảo vệ và thực hiện quyền của mình. Bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường

**-** Năng lực thích ứng với cuộc sống một số kiến thức đã biết về “ Tìm hiểu và bổn phận của trẻ”

- Rèn các kĩ năng : thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 1: Chào cờ**  - Liên đội trưởng điểu khiển lễ chào cờ, nhận xét thi đua các lớp.  - GV Phụ trách Đội nhận xét, phổ biến công tác tuần mới.  **\* Hoạt động 2: Diễn đàn “ Quyền và bổn phận của trẻ em”**  **\* Khởi động:**  - HS biểu diễn bài hát” Trẻ em hôm nay , thế giới ngày mai”.  - Sau khi các em biểu diễn xong, GV dẫn dắt vào hoạt động.  + Bước 1: Tuyên bố lí do tổ chức diễn đàn.  + Bước 2: Trình diễn tiểu phẩm.  \* Đánh giá:  - GV nhận xét tinh thần, thái độ của HS khi tham gia biểu diễn tiểu phẩm.  - Khen các HS tự tin, mạnh dạn khi biểu diễn văn nghệ, tuyên dương các lớp sôi nổi, nhiệt tình tham gia trả lời câu hỏi.  **\* Hoạt động nối tiếp:**  1/ Qua hoạt động “Tìm hiểu quyển và bổn phận của trẻ em” hôm nay, em ghi nhớ được điểu gì?  2/ Em hãy kể một số quyển cơ bản của trẻ em.  3/ Trẻ em có phải thực hiện bổn phận của mình không? Hãy nêu một số bổn phận mà trẻ em phải thực hiện.  **-** GV yêu cầu HS về nhà hỏi thêm bố, mẹ, người thân về quyền và bổn phận của mình.  - HS thực hiện quyền và bổn phận của mình trong học tập và rèn luyện hằng ngày.  **3. Củng cố:**  - GV phụ trách nhận xét tinh, thần thái độ, kỉ luật toàn trường khi tham gia hoạt động.  - Các lớp tiếp tục học tập tốt, rèn luyện tốt hơn để tặng bà, mẹ, cô giáo. | - HS thực hiện theo HĐ  - Lắng nghe  - HS toàn trường hát, thực hiện theo hướng dẫn.  - Lắng nghe, trả lời  - HS thực hiện  - Lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY ( Nếu có).**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 56: EP, ÊP, IP, UP**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ep, êp, ip, up; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ep, êp, ip, up; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần ep, êp, ip, up (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ep, êp, ip, up.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ep, êp, ip, up có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói về cách ứng xử khi nhà có khách. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người và loài vật.

- Cảm nhận được tình cảm ấm áp của gia đình và những người thân quen được thể hiện qua tranh và tình huống nói theo tranh, từ đó gắn bó hơn với gia đình và người thân quen.

**\* Mục tiêu riêng học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ep, êp, ip, up. Biết tô chữ ep, êp, ip, up.

**II. ĐỒ DÙNG:**

-BĐ D tiếng việt, VBT, bảng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Hoạt động 1:Khởi động:**  - Tổ chức cho HS chơi trò: “*Ai nhanh ai đúng*”.  - GV chia lớp thành 3 đội chơi cùng thực hiện điền các vần op, ơp, ôp vào tiếng, từ do GV chuẩn bị sẵn.  - Đội nào điền đúng và hoàn thành công việc sớm hơn, sẽ là đội chiến thắng.  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ:  op, ơp, ôp. | - Chia HS lớp thành 3 đội: HS trong đội cùng thực hiện  - HS thực hiện. | - Hs quan sát các bạn chơi |
| **Nhận biết**: |  |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: | - Hs quan sát tranh |
| +) Em thấy gì trong tranh? | - Trong bếp, lũ cún con múp míp nép vào bên mẹ. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |  |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |  |
| +) Tiếng có chứa âm ep - êp - ip - up? | - HS nêu và đọc các tiếng: bếp, múp míp, nép. |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần ep - êp - ip - up. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |  |
| **2. Hoạt động 2:Khám phá – Thực hành** |  |  |
| **2.1 Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **a. Đọc vần: ep - êp - ip - up:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh êp - ip - up với ep để tìm ra điểm giống và khác nhau. | - Giống nhau là đều có âm p đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước e, ê, i, u. | - HS lắng nghe |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ep - êp - ip - up. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - Hs đánh vần |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ep - êp - ip - up. | - Hs ghép dưới sự hướng dẫn của bạn |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT | - Hs đọc |
| **b. Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng nép? | - Lấy chữ ghi âm n ghép trước ep, thêm dấu sắc trên âm e ta được tiếng nép. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |  |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SHS. | - hs đánh vần |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ep - êp - ip - up với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | - HS tự tạo các tiếng có chứa vần ep - êp - ip - up. |  |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Kẹp nẹp nếp xếp  Kịp nhịp búp giúp |  |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |  |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |  |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |  |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Đôi dép, đầu bếp, bìm bịp, búp sen. |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ep - êp - ip - up? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ep - êp - ip - up, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN – ĐT. |  |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **2.2 Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: ep - êp - ip - up và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |  |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng. | - HS viết vào bảng con: ep - êp - ip - up, bếp, bịp, búp | - hs viết bảng |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét. |  |
| **3. Hoạt động 3: Vận dụng** |  |  |
| - Cho HS nghe bài: “*Quê hương tươi đẹp*” kết hợp với trò chơi truyền bút, khi bài hát kết thúc bút dừng ở bạn nào. Thì bạn đó nói tìm từ, có chứa vần vừa học do GV y/c  - GV nhận xét |  |  |

**TIẾT 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **Hoạt động: Thực hành - Luyện tập**   |  |  | | --- | --- | | **5. Viết vở.** |  | | - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ e, ê, i, u với nét móc trong p và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: ep - êp - ip - up, viết từ ngữ: bếp, bìm bịp, búp sen chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | | - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. | | **6. Đọc đoạn:** |  | | - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. | | +) Tiếng nào chứa vần ep - êp - ip - up? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ep - êp - ip - up theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) | | - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. | | - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. | | +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5 câu. | | - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. | | - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  | | +) Dịp nghỉ lễ, nhà Hà có ai đến chơi? | - Dịp nghỉ lễ, nhà Hà có chú Tư và cô Lan đến chơi. | | +) Mẹ Hà nấu món gì? | - Mẹ Hà nấu món súp gà, cơm nếp và rán cá chép. | | +) Hà giúp mẹ làm gì? | - Hà giúp mẹ rửa rau quả và sắp xếp bát đĩa. | | +) Bố Hà làm gì? | - Bố thì dọn dẹp nhà cửa. | | - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT | | **7. Nói theo tranh.** |  | | - Tổ chức quan sát tranh. |  | | - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: | | +) Trong tranh có những ai? | - Bố, mẹ, Hà, chú Tư và có Lan | | +) Mọi người đang làm gì? | - Mọi người đang ăn cơm và nói chuyện vui vẻ | | +) Khi nhà có khách, em nên làm gì? | - Chào hỏi khách; vui vẻ và niềm nở với khách; giúp bố mẹ tiếp khách, trong khi ăn cơm, không nên nói nhiều, nhưng cần hỏi han để tỏ lòng hiểu khách;... | | - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  | | - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện: Thảo luận - | | **Hoạt động 3:Vận dụng**  **Trò chơi: Ai nhanh ai đúng.**  - Tổ chức cho HS chơi trò: “*Ai nhanh ai đúng*”.  - GV chia lớp thành 2 đội chơi cùng thực hiện nói câu có chứa vần op, ơp, ôp  - Đội nào nói đúng đc nhiều sẽ là đội chiến thắng. |  | | - GV và HS nhận xét. |  |   **8. Củng cố:**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ep - êp - ip - up. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS tô, viết chữ: ep - êp - ip - up, viết từ ngữ: bếp, bìm bịp, búp sen chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - HS nhận xét.  - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK.  - HS tìm và nêu các tiếng chứa ep - êp - ip - up theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng)  - HS đọc CN – ĐT.  - HS quan sát, đếm số câu.  - Đoạn văn có 5 câu.  - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn.  - Dịp nghỉ lễ, nhà Hà có chú Tư và cô Lan đến chơi.  - Mẹ Hà nấu món súp gà, cơm nếp và rán cá chép.  - Hà giúp mẹ rửa rau quả và sắp xếp bát đĩa.  - Bố thì dọn dẹp nhà cửa.  - HS đọc CN - ĐT  - HS quan sát tranh trong SHS TLCH:  - Bố, mẹ, Hà, chú Tư và có Lan  - Mọi người đang ăn cơm và nói chuyện vui vẻ  - Chào hỏi khách; vui vẻ và niềm nở với khách; giúp bố mẹ tiếp khách, trong khi ăn cơm, không nên nói nhiều, nhưng cần hỏi han để tỏ lòng hiểu khách;...  - HS thực hiện: Thảo luận - | - Hs viết duới sự hướng dẫn của cô giáo |

**TOÁN**

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 ( TIẾT 1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được các kết quả các phép trừ trong phạm vi 10

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**-** NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép trừ đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Các que tính và các chấm tròn. ƯDCNTT

- Một số tình huống đơn giản liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **I: Hoạt động mở đầu( 5)**  **\* Khởi động:** HS nghe bà hát: Chúc mừng sinh nhật  **\* Kết nối:** GV giới thiệu và ghi tên bài  **II: HĐ hình thành kiến thức ( 20)**  -GV giới thiệu tranh SGK:  - Quan sát bức tranh trong sách  - Nói với bạn về những bức tranh quan sát được  - Làm tương tự với các tình huống còn lại  - chia sẻ trước lớp  **- YC HS** sử dụng chấm tròn để tìm kết quả phép trừ 7 – 1 và các kết quả còn lại  - Chốt lại cách tìm kết quả 7 - 1  - Gv dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác trừ- bớt  7 – 1 = 6 7 – 2 = 5  8 – 1 = 7 9 – 6 = 3  \* Gv nêu 1 số tình huống . Hướng dẫn HS tìm kết quả các phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh bảng gài  - Yc HS nêu tình huống tương tự  **III: Hoạt động vận dụng ( 10)**  **-** YC Hs nghĩ ra 1 tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10  **III. Củng cố - Dặn dò( 5)**  - Nhận xét tiết học  - YC HS về nhà tìm những tình huống liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để chia sẻ với bạn | - Hs hát  - quan sát  - Chia sẻ trước lớp  **-**HS quan sát  **-** Tìm kết quả : 7- 1= 6  - HS lắng nghe  - HS đặt phép trừ tương ứng  - Hs chia sẻ  - Lắng nghe | - Hs hát  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  - Sử dụng que tính để tìm kết quả |

**Ngày soạn: 27 /11/2021**

**Ngày giảng: Thứ ba ngày 29 tháng 11 năm 2022**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 57: ANH, ÊNH, INH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần anh, ênh, inh; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần anh, ênh, inh; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần anh, ênh, inh (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần anh, ênh, inh

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần anh, ênh, inh có trong bài học.Kỹ năng nói về hoạt động tập luyện để tăng cường sức khoẻ của con người. Kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên và tranh về hoạt động của con người và loài vật. Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống hằng ngày, từ đó yêu quý cuộc sống hơn.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần anh, ênh, inh. Biết tô chữ anh, ênh, inh.

**II. ĐỒ DÙNG**

-BĐ D tiếng việt, VBT, bảng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HS Đại** |
| **1. Ôn và khởi động:**  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ:  ep, êp, ip, up. | - HS thực hiện. | - Hs viết |
| **2. Nhận biết**: |  |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: | - Hs quan sát |
| +) Em thấy gì trong tranh? | - Con kênh xinh xinh chảy qua cánh đồng. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |  |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |  |
| +) Tiếng có chứa âm anh - inh - ênh? | - HS nêu và đọc các tiếng: kênh, xinh xinh, cánh. |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần anh - inh - ênh. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |  |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **a. Đọc vần: anh - inh - ênh:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh ênh - inh với anh để tìm ra điểm giống và khác nhau. | - Giống nhau là đều có âm nh đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước a, i, ê. |  |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: anh - inh - ênh. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - Hs đánh vần |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần anh - inh - ênh. | - Hs ghép bảng gài |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT | - Hs đọc |
| **b. Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng cánh? | Lấy chữ ghi âm c ghép trước anh, thêm dấu sắc trên âm a ta được tiếng cánh. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |  |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SHS. | - Hs đọc những tiếng đơn giản |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần anh - inh - ênh với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần anh - inh - ênh. |  |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Chanh mảnh cạnh  Kênh ghềnh lệnh  Kính chỉnh thịnh |  |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |  |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |  |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. | - Hs quan sát |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Quả chanh bờ kênh kính râm |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: anh - inh - ênh? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần anh - inh - ênh, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN – ĐT. |  |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **4. Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: anh - inh - ênh và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. | - Hs quan sát |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng. | - HS viết vào bảng con: anh - inh - ênh, chanh, kênh, kính | - Hs viết |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT 2** | |  |
| **5. Viết vở.** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ a, ê, i với nét móc trong nh và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: anh - inh - ênh, viết từ ngữ: chanh, kênh, kính chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | - Hs viết |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |  |
| **6. Đọc đoạn:** |  |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. | - hs đánh vần và lắng nghe các bạn trả lời |
| +) Tiếng nào chứa vần anh - inh - ênh? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa anh - inh - ênh theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |  |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |  |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |  |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5 câu. |  |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |  |
| +) Nhà vịt ở đâu? | - Nhà vịt ở gần một con kênh xinh xinh. |  |
| +) Bố mẹ cho vịt con ra kênh để làm gì? | - Bố mẹ cho vịt con ra kênh để tập bơi. |  |
| +) Những câu nào nói lên gia đình vịt rất vui? | - Bố mẹ vịt vui quá, kêu cạp cạp. Gia đình nhà vịt làm xôn xao cả mặt kênh. |  |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **7. Nói theo tranh.** |  |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |  |
| +) Tranh vẽ những gì? | - Tranh 1: Bạn nhỏ tập bơi.  - Tranh 2: Hai người chạy bộ.  - Tranh 3: Hai ông bà tập thể dục. |  |
| +) Họ làm như vậy để làm gì? | - Rèn luyện sức khỏe. |  |
| +) Ở nhà em tập luyện môn thể thao nào? | - HS trả lời. |  |
| +) Em thích môn thể thao nào nhất? | - HS nêu. |  |
| +) | - |  |
|  |  |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện: Thảo luận - trao đổi thêm về các hoạt động rèn luyện thân thể và tác dụng của chúng đối với sức khoẻ con người. |  |
| - GV và HS nhận xét. |  |  |

**8. Củng cố:**

- GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm anh - inh - ênh. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 ( TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Tìm được các kết quả các phép trừ trong phạm vi 10

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

-NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**\* Mục tiêu riêng của HS Đại:** Nhận biết được các số và thực hiện được một số phép trừ đơn giản.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- VBT. ƯDCNTT

- Một số tình huống đơn giản liên quan đến phép trừ trong phạm vi 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Hs Đại** |
| **I: Hoạt động mở đầu ( 5)**  **-** GV nêu các phép tính:  7 – 1= 7 – 2 =  8 – 1 = 9 – 6 =  -GV giới thiệu và ghi tên bài  **II: Hoạt động thực hành luyện tập**  **( 25)**  **Bài 1: Tính nhẩm?**  - YC Hs làm cá nhân bài 1  - Gọi HS chia sẻ trước lớp  7 – 3 = 8 – 4 =  10 – 5 = 9 – 7 -  - Nêu ra một vài phép tính đơn giản, gọi Hs trả lời miệng.  **Bài 2: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính**  - Gv hướng dẫn cách làm  - yc hs làm cá nhân vào vở BT  - gọi HS chia sẻ bài tập  10 – 2 = 8 8 – 7 = 1 9 – 5 = 4  6 – 3 = 3 7 – 5 = 2 6 – 5 = 1  7 – 6 = 1 9 – 6 = 3 10 – 8 = 2  - Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:Nêu phép trừ ?**  **-** Yc Hs quan sát tranh, suy nghĩ vả tập kể tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng  9 – 7 = 2 9 – 2 = 7.  - Khuyến khích HS nói theo cách của mình,  - Chốt, nhận xét  **III: Hoạt động vận dụng ( 5)**  **-** YC Hs nghĩ ra 1 tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.  \* **Củng cố - Dặn dò( 5)**  - Nhận xét tiết học  - YC HS về nhà tìm những tình huống liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để chia sẻ với bạn | - HS nêu kết quả phép tính.  - Làm cá nhân vào VBT,  - Đặt câu hỏi, chia sẻ  - chia sẻ cách nhẩm  - Trả lời  - HS quan sát  + HS làm bài  + Nêu miệng kết quả  - Quan sát tranh, nêu tình huống  - Đọc phép tính  - Chia sẻ trước lớp  - Nêu tình huống  - Lắng nghe | - Hs thực hiện một số phép tính đơn giản  - Hs làm bài tập dưới sự hướng dẫn của bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

**.** ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 4: AN TOÀN CHO EM**

**. BÀI 8: AN TOÀN KHI VUI CHƠI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận diện được nguy cơ không an toàn ,không nên đến gần;

- Nhận diện được những trò chơi không an toàn không nên chơi;

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo vui chơi an toàn;

- Biết từ chối và khuyên bạn không nên chơi những trò chơi có thể gây tai nạn, thương tích.

**\*Mục tiêu riêng của hs Đại: lắng nghe và có thể trả lời 1 -2 câu hỏi đơn giản.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Tranh SGK,tranh về một số nơi vui chơi an toàn và nơi có thể gây tai nạn thương tích;

- Tranh về các trò chơi không an toàn

1. Học sinh:

- Nhớ lại trò chơi an toàn đã học ở môn Tự nhiên –xã hội

- Những tình huống gây tai nạn ,thương tích mà các em biết hoặc đã gặp phảitrong thực tiễn đời sống

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HS Đại** |
| * **KHỞI ĐỘNG**   - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ném bóng  - GV nêu tổng kết trò chơi và giới thiệu bài | - HS tham gia chơi trò chơi | - Hs chơi trò chơi |
| * **KHÁM PHÁ-KẾT NỐI**   **Hoạt động 1 : Xác định hành động an toàn và không an toàn khi vui chơi**  Bước 1: Làm việc theo nhóm  -GV chia lớp thành các nhóm 6 em:  - Yêu cầu HSquan sát tranh trong SGK trang 33để xác định hành động an toàn và không an toàn khi vui chơi  -Yêu cầu HS thảo luận cho biết các bạn trong tranh 2,4,6 có thể dẫn đến hậu quả gì?  Bước 2: Làm việc cả lớp  -GV chia bảng thành 2 phần:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Hành động vui chơi an toàn | Hành động vuichơi khôngan toàn | |  |  |  |   -GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  -GV ghi vào các cột tương ứng trên bảng.  -GV bổ sung và chốt lại nội dung 2 tình huống  - GV khuyến khích HS nêu hậu quả của các hành động ở các tranh 2.4.6 và ghi nhận tất cả các ý kiến của hs  -GV phân tích để HS hiểu sâu sắc hơn hậu quả của những hành động vui chơi không an toàn này. | - HS quan sát tranh thảo luận theo nhóm 6 em  - HS quan sát, trả lời  -  ­  -Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận  -Các nhóm khác theo dõi nhận xét,bổ sung  HS nêu hậu quả của các hành động ở tranh 2.4.6  -Hs lắng nghe | - Hs quan sát tranh và tham gia thảo luận cùng các bạn.  - Hs trả lời dưới sự gợi ý của gv |
| **Hoạt động 2: Kể những trò chơi an toàn, không an toàn em đã tham gia**  - GV khuyến khích HS nêu thêm những hành động vui chơi an toàn ,không an toàn mà các em đã tham gia  -GV ghi lại những trò chơi không an toàn và chốt lại:Những trò chơi không an toàn bao gồm:  *+Trèo cây,trèo cột điện*  *+trèo lan can ,ban công*  *+trượt cầu thang*  *+Nhảy từ trên cao xuống*  *+Ngồi trên bệ cửa sổ*  *+Leo thang*  *+Chạy đuổi nhau ở những nơi trơn trượt*  *+......*  - GV tiếp tục đặt câu hỏi:  +*Em sẽ làm gì nếu được rủ tham gia những trò chơi không an toàn*?  -GV khen ngợi những HS đưa ra ý kiến từ chối không tham gia  *+Nếu từ chối để giữ an toàn cho bản thân thì đã đủ chưa?Chúng ta cần giữ an toàn cho bạn không?Nếu có thì em nên làm gì?*  **-**GV bổ sung kết luận:*Khi được rủ chơi những trò chơi không an toàn thì cần từ chối và khuyên bạn khong nên chơi để giữ an toàn cho bản thân* ***.*** | - HS phát biểu  -Hs lắng nghe  - HS xung phong phát biểu ý kiến  -Nhận xét –bổ sung  Hs phát biểu ý kiến  -Hs lắng nghe |  |
|  |  |  |
| * **Củng cố - dặn dò**   -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe |  |

**Ngày soạn: 27 /11/2021**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 30 tháng 11 năm 2022**

**Tiếng Việt**

**Bài 58: ACH, ÊCH, ICH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ach, êch, ich; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ach, êch, ich; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần ach, êch, ich (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ach, êch, ich.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ach, êch, ich có trong bài học.

Phát triển kỹ năng nói về chủ điểm lớp học.Kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của loài vật (được nhân hoá: ếch đọc sách, ếch đi học) và tranh vẽ hoạt động của con người (trong lớp học).

- Cảm nhận được những nét đáng yêu của đời sống con người và loài vật được thể hiện qua tranh và phần thực hành nói; từ đó yêu quý hơn cuộc sống.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ach, êch, ich. Biết tô chữ ach, êch, ich

**II. CHUẨN BỊ:**

-BĐD tiếng việt, VBT, bảng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động:**  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ:  Anh – ênh – inh. | - HS thực hiện. | - Hs thực hiện |
| **2. Nhận biết**: |  |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: | - Hs quan sát tranh |
| +) Em thấy gì trong tranh? | - Ếch con thích đọc sách, |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |  |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. | - hs nhẩm theo bạn |
| +) Tiếng có chứa âm ach - êch - ich? | - HS nêu và đọc các tiếng: ếch, thích, sách. |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần ach - êch - ich. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |  |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **a. Đọc vần: ach - êch - ich:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh ênh - inh với anh để tìm ra điểm giống và khác nhau. | - Giống nhau là đều có âm nh đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước a, i, ê. |  |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ach - êch - ich. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - hs đánh vần |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ach - êch - ich. | - hs ghép thẻ |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT | - hs đọc |
| **b. Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng sách? | Lấy chữ ghi âm s ghép trước ach, thêm dấu sắc trên âm a ta được tiếng sách. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. | - hs đánh vần tiếng |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SHS. |  |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ach - êch - ich với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ach - êch - ich. |  |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Vách tách sạch  Chếch mếch lệch  Bích xích kịch |  |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |  |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. | - hs đọc |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |  |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Sách vở chên lệch tờ lịch |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ach - êch - ich? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ach - êch - ich, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN – ĐT. |  |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **4. Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: ach - êch - ich và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |  |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng. | - HS viết vào bảng con: ach - êch - ich, sách, lệch, lịch. | - hs viết bảng |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT 2** | |  |
| **5. Viết vở.** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ a, ê, i với nét móc trong ch và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: ach - êch - ich, viết từ ngữ: sách, chênh lệch, lịch chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | - hs viết |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |  |
| **6. Đọc đoạn:** |  |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. | - hs nhẩm, đánh vần |
| +) Tiếng nào chứa vần ach - êch - ich? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ach - êch - ich theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |  |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |  |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |  |
| +) Bài thơ có mấy khổ? | - Bài thơ có 2 khổ. |  |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |  |
| +) Ếch cốm để quên sách ở đâu? | - Ếch cốm để quên sách ở bờ cỏ. | - hs trả lời |
| +) Vì sao ếch cốm để quên sách? | - Vì ếch mải rình bắt cào cào. |  |
| +) Ếch nói gì khi cô giáo hỏi sách của ếch đâu? | - Câu gãi đẫu, gãi tai: Thưa cô, em xin lỗi. |  |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **7. Nói theo tranh.** |  |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |  |
| +) Các em nhìn thấy ai? ở đâu? | - Cô giáo và các bạn HS. |  |
| +) Họ đang làm gì? | - Cô giáo đang lắng nghe, theo dõi các bạn hoạt động nhóm đôi. |  |
| +) Nói tên các thầy, cô dạy các môn học của em? | - HS nêu. |  |
| +) Lớp em có bao nhiêu bạn HS? | - Lớp em có 30 bạn. |  |
| +) Lớp trưởng lớp em là ai? | - Là bạn Triệu Long |  |
| +) Tổ trưởng của các tổ là những bạn nào? | - HS nêu |  |
| +) Hằng ngày, đến lớp các em tham gia những hoạt động nào? | - Tham gia các hoạt động học tập và vui chơi. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện: Thảo luận - trao đổi thêm về lớp học. |  |
| - GV và HS nhận xét. |  |  |

**8. Củng cố:**

- GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ach - êch - ich. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiếng Việt**

**Bài 59: ANG, ĂNG, ÂNG ( Tiết 1)**

**I. I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ang, ăng, âng; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ang, ăng, âng; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

Viết đúng các vần ang, ăng, âng (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ang, ăng, âng. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ang, ăng, âng có trong bài học Kĩ năng nói theo chủ điểm về thiên nhiên (mặt trăng và mặt trời).

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên (ánh trăng, mặt trăng và mặt trời) và tranh về hoạt động của loài vật (được nhân hoá).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ang, ăng, ân. Biết tô chữ ang, ân, ăng.

**II. CHUẨN BỊ:**

-BĐD tiếng việt, VBT, bảng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động:**  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ:  Anh – ênh – inh. | - HS thực hiện. | - Hs viết |
| **2. Nhận biết**: |  |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: | - Hs quan sát tranh |
| +) Em thấy gì trong tranh? | - Vầng trăng sáng lấp ló sau rặng tre. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |  |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |  |
| +) Tiếng có chứa âm ang - ăng - âng? | - HS nêu và đọc các tiếng: vầng, trăng, rặng. |  |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần ang - ăng - âng. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |  |
| **3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |  |
| **a. Đọc vần: ang - ăng - âng:** |  |  |
| - So sánh các vần: |  |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh ăng - âng với ang để tìm ra điểm giống và khác nhau. | - Giống nhau là đều có âm ng đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước a, ă, â. | - Hs lắng nghe |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: ang - ăng - âng. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. | - Hs đánh vần |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần ang - ăng - âng. | - hs ghép thẻ |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |  |
| **b. Đọc tiếng:** |  |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng sáng? | Lấy chữ ghi âm s ghép trước ang, thêm dấu sắc trên âm a ta được tiếng sáng. |  |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |  |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SHS. |  |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần ang - ăng - âng với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần ang - ăng - âng. |  |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Làng rạng sáng  Bằng rặng vẳng  Hẫng tầng vâng |  |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |  |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. | - hs đọc |
| **c. Đọc từ ngữ.** |  |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |  |
| +) Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Cá vàng măng tre nhà tầng. |  |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |  |
| +) Tiếng nào chứa vần: ang - ăng - âng? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần ang - ăng - âng, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN – ĐT. |  |
| **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ.** | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |  |
| **4. Viết bảng.** |  |  |
| - GV đưa mẫu chữ: ang - ăng - âng và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |  |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng. | - HS viết vào bảng con: ang - ăng - âng, măng, tầng | - hs viết bảng |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét. |  |

**Ngày soạn: 27 /11/2021**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 2 tháng 12 năm 2022**

**Tiếng Việt**

**Bài 59: ANG, ĂNG, ÂNG ( Tiết 2)**

**I. I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ang, ăng, âng; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ang, ăng, âng; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

Viết đúng các vần ang, ăng, âng (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ang, ăng, âng. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ang, ăng, âng có trong bài học Kĩ năng nói theo chủ điểm về thiên nhiên (mặt trăng và mặt trời).

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên (ánh trăng, mặt trăng và mặt trời) và tranh về hoạt động của loài vật (được nhân hoá).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn vần ang, ăng, ân. Biết tô chữ ang, ân, ăng.

**II. CHUẨN BỊ:**

-BĐD tiếng việt, VBT, bảng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT 2** | |  |
| **5. Viết vở.** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ a, ă, â với nét móc trong ng và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: ang - ăng - âng, viết từ ngữ: măng tre, nhà tầng chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. | - hs viết |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |  |
| **6. Đọc đoạn:** |  |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. | - hs đọc |
| +) Tiếng nào chứa vần ang - ăng - âng? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ang - ăng - âng theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |  |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |  |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |  |
| +) Có mấy dòng thơ? | - Có 4 dòng thơ. |  |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |  |
| +) Bài thơ nói về nhân vật nào? đang làm gì? | - Bài thơ nói về nhân vật Mèo, đang đi học. | - hs trả lời: con mèo |
| +) Thời tiết được miêu tả như thế nào? | - Trời nắng chang chang. |  |
| +) Khi đi học, mèo con mang theo cái gì? | - Khi đi học, mèo con mang theo bút chì và mẩu bánh mì. |  |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **7. Nói theo tranh.** |  |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |  |
| +) Tranh 1 vẽ gì? | - Mặt trăng và rặng tre. |  |
| +) Tranh 1 là trời điểm nào trong ngày? | - Buổi đêm |  |
| +) Vì sao em biết? | - Vì có mặt trăng. |  |
| +) Tranh 2 vẽ gì? | - Vẽ mặt trời và những đám mây, cỏ cây, bò, bê gặm cỏ. |  |
| +) Tranh 2 là ban ngày hay ban đêm? Vì sao em biết? | - Là ban ngày vì có mặt trời và nhìn được các cảnh vật. |  |
| +) Mặt trời xuất hiện khi nào? | - Mặt trời xuất hiện vào ban ngày. |  |
| +) Mặt trăng xuất hiện khi nào? | - Mặt trăng xuất hiện vào ban đêm. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện: Thảo luận - |  |
| - GV và HS nhận xét. |  |  |

**8. Củng cố:**

- GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ang - ăng - âng. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 60: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nắm vững cách đọc các vần ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể cầu chuyện Mật ong của gấu con, trả lời cầu hỏi về những gì đã nghe và kể lại cầu chuyện. Cầu chuyện cũng gìúp HS rèn kĩ năng sống và ứng xử trong tập thể biết quan tâm chia sẻ với người khác.

**-** Thêm yêu thích môn học.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG**

-BĐD tiếng việt, VBT, bảng.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết: ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh. | - Hs viết bảng con. | - Hs viết bảng con |
| **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ:**  **a. Đọc tiếng:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS đọc các tiếng trong SHS. | - Hs đọc CN – ĐT.  Đẹp, xếp, kịp, cúp, rãnh, ghềnh, đĩnh,... | - Hs đọc |
| - GV quan sát. Sửa lỗi phát âm cho HS. |  |  |
| - Tổ chức tìm và đọc tiếng mới có chứa các vân cần ôn. | - HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau. |  |
| **b. Đọc từ ngữ:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng các từ trong SHS.  (Lưu ý: Các từ có tiếng chứa luật chính tả) | - HS đọc CN – ĐT các từ trong SHS.  (Đọc trơn – đánh vần tiếng bất kì)  Xinh đẹp, kịp thời, sạch sẽ,.... |  |
| - Giải thích từ ngữ (Nếu cần) |  |  |
| Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học. |  |  |
| **3. Đọc đoạn** |  |  |
| - GV lần lượt đọc mẫu câu. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm câu trong SHS. |  |
| +) Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5 câu. | - hs trả lời: 5 câu |
| +) Tìm tiếng chứa các vần ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh trong từng câu? | - HS lần lượt nêu các tiếng chứa vân cần ôn ở các câu:   |  |  | | --- | --- | | - Câu 1: | Thích | | - Câu 2: | Sáng sáng, | | - Câu 3: | Chẳng, | | - Câu 4: | Tỉnh | | - Câu 5: | Chẳng | |  |
| - Giải thích nghĩa của từ ngữ (Nếu cần) |  |  |
| - Tổ chức đọc các câu văn. | - HS đọc thành tiếng CN – ĐT. |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |  |
| +) Sáng sáng, Hà dậy sớm làm gì? | - Sáng sáng, Hà dậy sớm chờ gà gáy ò ó o. |  |
| +) Một hôm tỉnh giấc, Hà nghe thấy gì? | - Một hôm tỉnh giấc, Hà nghe thấy gà cục ta cục tác. |  |
| +) Vì sao con gà của Hà chẳng gáy? | - Vì nó là con gà mái. |  |
| - Đọc lại câu văn. | - HS đọc CN - ĐT |  |
| **4. Viết.** |  |  |
| - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một.  (GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, dấu thanh, khoảng cách giữa các con chữ) | - HS viết vào Tập viết 1, tập một cụm từ: Em vẽ vầng trăng sáng.  (Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS) |  |
| - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi. |  |  |

**HD ÔN LUYỆN Tiếng Việt**

**Bài 53: AP ĂP ÂP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**Giúp HS:**

- Ôn luyện các vần ap, ăp, âp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ap, ăp, âp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần ap, ăp, âp (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ap, ăp, âp.

**II. ĐỒ DÙNG**

- GV: Máy tính, bài Point

- HS: Máy tính, máy tính bảng, sách vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **Đọc vần: ap, ăp, âp**   **b. Đọc tiếng:**  **c. Đọc từ ngữ.**  **5. Viết vở**  - Phần viết vở tập viết giao về nhà cho PH giám sát con hoàn thiện.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần ap, ăp, âp.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ap, ăp, âp trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu câu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rói cả lớp đọc đồng  - GV yêu câu một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  + Khi ngủ, “ tôi” thế nào?  + Thức dậy, “ tôi” có thể làm gì?  + Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?  + “Tôi” là ai?  **8. Củng cố**  - GV yêu câu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần ap, ăp, ât và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần at, ăt, åt và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS tìm  - HS đọc  -Hs tìm  - HS lắng nghe | - HS lắng nghe  -HS viết |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 11: HỌC BÀI VÀ LÀM BÀI ĐẨY ĐỦ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho học sinh ý thức tự học và năng lực điều chỉnh hành

vi dựa trên các yêu cầu cần đạt sau:

- Hiểu được ý nghĩa của việc học bài và làm bài đẩy đủ.

- Thực hiện được việc học bài và làm bài đẩy đủ.

- Nhắc nhở bạn bè học bài và làm bài đầy đủ.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs trả lời được một số câu hỏi đơn giản.

**2. ĐỒ DÙNG:**

**GV: -** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

- SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;

Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mêu, bài thơ, bài hát, âm nhạc

(bài hát “Đến lớp học rất vui” - sáng tác: Phi Thường),

Máy tính, bài giảng PP (nếu có điều kiện)

**HS:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Khởi động**  ***Tổ chức hoạt động tập thể - hát bài "Đến lớp học rất vui"***  - GV tổ chức cho HS hát bài “Đến lớp học rất vui”.  - GV đặt câu hỏi: Cảm xúc của bạn nhỏ khi đến lớp như thế nào?  - HS suy nghĩ, trả lời.  *Kết luận:* Để mỗi ngày đến lớp là một ngày vui, em cần thực hiện đúng nội quy trường, lớp trong đó, có quy định học bài và làm bài đầy đủ.  **2. Khám phá**  ***Khám phá sự cần thiết của việc học bài và làm bài đầy đủ***  - GV treo/chiếu các tranh ở mục Khám phá lên bảng để HS quan sát (hoặc HS tự quan sát tranh trong SGK).  - HS có thể tả lại tranh hoặc đóng vai để diễn tả lại tình huống trong SGK.  - HS thảo luận cặp đôi, trả lời từng câu hỏi:  + Vì sao bạn Bi bị cô giáo nhắc nhở?  + Các em có học theo bạn Bi không? Vì sao?  + Tác hại của việc không học bài và làm bài đầy đủ là gì?  + Vì sao bạn Bo được khen?  + Các em có muốn được như bạn Bo không?  + Để được như bạn Bo, em cần phải làm gì?  - HS trong lớp quan sát, nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi: Học bài và làm bài đầy đủ đem lại lợi ích gì?  - GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi những em có câu trả lời hay.  *Kết luận*: Học bài và làm bài đầy đủ giúp em học giỏi hơn. Bố mẹ sẽ vui lòng, thầy cô và bạn bè sẽ yêu quý em hơn.  3. Luyện tập  ***Hoạt động 1: Em chọn việc nên làm***  - GV treo tranh ở mục Luyện tập lên bảng, HS quan sát tranh. GV chia HS thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm: Hãy quan sát các bức tranh, thảo luận và lựa chọn việc nào nên làm, việc nào không nên làm và giải thích vì sao.  - HS thảo luận, cử đại diện nhóm lên bảng, dán sticker mặt cười vào việc nên làm, sticker mặt mếu vào việc không nên làm. HS cũng có thể dùng thẻ học tập hoặc dùng bút chì đánh dấu vào tranh sau đó đưa ra lời giải thích cho sự lựa chọn của mình.  - GV gọi các HS khác nhận xét, bổ sung.  *Kết luận:*  Việc nên làm là: Làm toán xong rồi sẽ đi chơi (tranh 1).  Việc không nên làm là: Nhờ bạn viết hộ (tranh 2).  ***Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn***  - GV nêu yêu cầu: Em hãy chia sẻ với bạn thói quen học bài và làm bài của em.  - GV tuỳ thuộc vào thời gian của tiết học có thể mời một số em chia sẻ trước lớp hoặc các em chia sẻ theo nhóm đôi.  - HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.  - GV nhận xét và khen ngợi những bạn đã có thói quen tốt và cách học tập khoa học, hiệu quả.  *Kết luận:* Để đạt kết quả cao trong học tập em cẩn có thói quen học bài và làm bài đầy đủ.   1. Vận dụng   ***Hoạt động 1 Xử lí tình huống***  GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm: Quan sát tranh, thảo luận và đưa ra phương án xử lí tình huống (mục Vận dụng, nội dung “Em sẽ làm gì khi gặp tình huống sau?”).  *Tình huống: Bạn nhỏ suy nghĩ trước bài toán khó.*  + HS thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày cách xử lí tình huống.  + Các cách xử lí tình huống khác nhau:  1/ Không làm nữa vì khó quá;  2/ Cố gắng tự làm bằng được;  3/ Nhờ bạn trong lớp, cô giáo giảng;...  + Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  + GV nhận xét, bổ sung, khen ngợi nhóm có cách xử lí tình huống hay, từ đó định hướng cho HS lựa chọn cách xử lí tình huống tốt nhất.  *Kết luận:* Em cần biết cách xử lí tình huống để đảm bảo luôn học bài và làm bài đầy đủ.  ***Hoạt động 2 Em cùng bạn nhắc nhau học bài và làm bài đây đủ***  GV hướng dẫn HS đóng vai giúp nhau học bài và làm bài đầy đủ: HS có thể tưởng tượng để đóng vai theo các tình huống khác nhau. Ví dụ:  A: B ơi, bài này khó quá, làm như thế nào?  B: À, bài này tớ làm rồi. Để tớ hướng dẫn cậu cách làm nhé!  Hoặc:  A nhìn vở của B và nhắc: Cậu viết còn thiếu. Viết tiếp cho đủ rồi hãy đi chơi!  *Kết luận:* Các em cần nhắc nhau học bài và làm bài đầy đủ.  *Thông điệp:* GV chiếu/viết thông điệp lên bảng (HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK), đọc. | HS hát  -HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh    - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.     -HS lắng nghe          - Học sinh trả lời          - HS tự liên hệ bản thân kể ra.        HS lắng nghe.  -HS quan sát  -HS chọn  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ  -HS nêu    -HS lắng nghe  -HS thảo luận và nêu  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  HS nêu | - Hs hát  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát tranh  - Hs trả lời |

**TIẾT**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 60: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nắm vững cách đọc các vần ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần ach, êch, ich, ang, ăng, âng, ep, êp, ip, up, anh, ênh, inh; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể cầu chuyện Mật ong của gấu con, trả lời cầu hỏi về những gì đã nghe và kể lại cầu chuyện. Cầu chuyện cũng gìúp HS rèn kĩ năng sống và ứng xử trong tập thể biết quan tâm chia sẻ với người khác.

**-** Thêm yêu thích môn học.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết đọc theo cô và các bạn một số vần đã học

**II. ĐỒ DÙNG**

-BĐD tiếng việt, VBT, bảng.

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIẾT 2** | |  |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản: Quạ và đàn bồ câu. |  |  |
| **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện. | -Hs lắng nghe giáo viên kể chuyện. | - Hs lắng nghe |
| Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. | - HS trả lời. |  |
|  | Đoạn 1: Từ đầu đến vào chuồng bồ câu. | - Hs trả lời |
| 1. Quạ bôi trắng lông mình để làm gì? | - Quạ thấy đàn bồ cầu được nuôi ăn đầy đủ, nó bôi trắng lông mình rồi bay vào chuồng bồ câu. |  |
|  | Đoạn 2: Từ Đàn bồ câu thoạt đầu đến cho nó vào chuồng. |  |
| 2. Vì sao đàn bồ câu cho qua vào chuồng? | - Đàn bồ câu thoạt đầu tưởng nó cũng là bồ câu như mọi con khác, thế là cho nó vào chuồng. |  |
|  | Đoạn 3: Từ Nhưng quạ quên khuấy đến đuổi nó đi. |  |
| 3. Khi phát hiện ra quạ đàn bồ câu làm gì? | - Bấy giờ họ nhà bồ câu xúm vào mổ và đuổi nó đi. |  |
|  | Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. |  |
| 4. Vì sao họ nhà quạ cũng đuối quạ đi? | Quạ bay trở về với họ nhà quạ, nhưng họ nhà quạ sợ hãi nó bởi vì nó trắng toát, và cũng đuổi cổ nó đi. |  |
| - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. |  |  |
| **c. HS kể chuyện:** |  |  |
| - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. | - Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. |  |
| - GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả. |  |  |

**6. Củng cố:**

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện. Ở tất cả các bài, truyện kể không nhất thiết phải đầy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… …………………………………………………………………………………..

**Ngày soạn: 27 /11/2021**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 2 tháng 12 năm 2022**

**Ôn luyện tuần 12**

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT ET, ÊT, IT, UT, ƯT**

**I. MỤC TIÊU:**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các vần et, ut, ưt, êt, it đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  et, ut, ưt, êt, it  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  et, ut, ưt, êt, it, vẹt, hút,mứt,vệt, vịt. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. | - Hs đọc  - Hs viết vở |

**TOÁN**

**Tiết 36: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 10 .

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn.

- HS yêu thích học toán.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết thực hiện một số phép tính đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Gv: Tranh minh họa SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TOÁN**

**Tiết 39: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 10 .

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn.

- HS yêu thích học toán.

\***Mục tiêu riêng của học sinh Đại:** Hs biết thực hiện một số phép tính đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Gv: Tranh minh họa SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **A. Hoạt động khởi động**  HS thực hiện các hoạt động sau:   * Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 10. * Chia sẻ: Cách thực hiện phép trừ của mình; Để có thể tính nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?   **B. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **Bài 1**  - Cá nhân HS làm bài 1:  + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .   * HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.   **Bàỉ 2**   * Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). * Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.   ***Lưu ý:*** GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.  **Bài 3**   * Cá nhân HS tự làm bài 3:  1. Thực hiện các phép tính trừ để tìm kết quả, từ đó chỉ ra các phép tính sai. Cụ thể, các phép tính sai là: 10-5 = 4; 10 – 4 = 7; 7 – 2 = 9. 2. Sửa các phép tính sai cho đúng: 10-5 **= 5;** 10 – 4 = **6;** 7 – 2 = **5.**  * HS thảo luận với bạn về cách làm bài rồi chia sẻ trước lóp.   **Bài 4**  - Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ:* a) Có 7 chiếc mũ bảo hiểm. Các bạn lấy ra 2 chiếc để đội. Còn lại mấy chiếc mũ bảo hiểm trên bàn? Thực hiện phép trừ 7 – 2 = 5. Còn 5 chiếc mũ bảo hiểm trên bàn. Vậy phép tính thích hợp là 7 – 2 = 5.  HS làm tương tự với hai trường hợp b), c).   * GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.   **C. Hoạt động vận dụng**  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.   1. **Củng cố, dặn dò**   Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - Hs chơi trò chơi  - Hs chia sẻ  - Hs làm bài 1  + Hs quan sát và đọc yêu cầu  + Tìm kết quả phép trừ  - Hs làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài của bạn.  - Hs làm bài  - hs quan sát tranh và chia sẻ tình huống cho cả lớp nghe  - Hs trả lời  - Hs lắng nghe | - Hs chơi trò chơi  - Hs làm bài |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Sinh hoạt lớp. Sơ kết tuần. Lập kế hoạch tuần tới**

Chia sẻ mong muốn của em về điều kiện vui chơi an toàn

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua

- GDHS - HS biết khuyên bạn không tham gia các trò chơi nguy hiểm.HS tự giác không tham gia các trò chơi có thể gây nguy hiểm.Biết chia sẻ mong muốn của mình về điều kiện vui chơi an toàn.Các nhóm vẽ được 1 bức tranh về chủ đề An toàn khi vui chơi.

\*HSKT: Biết tham gia các hoạt động học tập dưới sự HD của GV.

**II. ĐỒ DÙNG DAY HỌC:**

a.Đối với GV

Phần thưởng nhỏ dành cho những HS hoàn thành tốt.

b.Đối với HS

Kiến thức từ những tiết học trước.

Thẻ đánh giá theo 3 mức độ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  - Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo,  - Lớp trưởng nhận xét chung .  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân,  -Giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.*.*  **b/** Xây dựng kế hoạch tuần tới  - Lớp trưởng yêu cầu các tổ trưởng dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến lập kế hoạch thực hiện.  - Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lớp trưởng: mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề .**  a. Chia sẻ mong muốn của em về điều kiện vui chơi an toàn  - GV khuyến khích HS nêu những mong muốn của mình đối với nhà trường, gia đình và địa phương.  - Mỗi HS chia sẻ trong vòng một đến hai phút.GV động viên các em nói đúng với mong muốn của mình.  - GV khen ngợi những em mạnh dạn nêu lên những mong muốn.  b. Vẽ tranh về chủ đề “ Vui chơi an toàn”  -GV yêu cầu mỗi nhóm HS tự chọn và vẽ một tranh về chủ đề vui chơi an toàn. Các nhóm cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý tưởng rồi cùng vẽ *(lưu ý HS không cần vẽ chi tiết, quan trọng là thể hiện ý tưởng của tranh).*   * - Khích lệ các nhóm xung phong giới thiệu với lớp về bức tranh và ý tưởng bức tranh của nhóm mình. * Yêu cầu các bạn trong lớp tập trung quan sát và chú ý lắng nghe để nhận xét hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn. * GV khen ngợi sự sáng tạo của các nhóm.   **4. Đánh giá:**  a)Cá nhân tự đánh giá  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  **c) Đánh giá chung của GV**  - GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung.  **\*** **Củng cố - dặn dò:**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.  - Các tổ trưởng nêu nhận xét ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ. Các thành viên còn lại trong lớp lắng nghe và đóng góp ý kiến.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nối tiếp nhau nêu.    - HS lắng nghe.  - HS thực hành theo nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |  |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY ( Nếu có).**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT ACH, ÊCH, ICH, ANG, ĂNG, ÂNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các ach, êch, ich ,ang, ăng, âng đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt, Vở ôly.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Hs Đại** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  ach, êch, ich ,ang, ăng, âng  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  ach, êch, ich ,ang, ăng, âng, sách, chêch, trích, chang, trăng, nâng. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. | - Hs đọc  - Hs viết vở |